TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2024
V/v: Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Nhơn

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân- Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 151/2A đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 336/65/7 đường D, phường E, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 080/2007 ngày 29 tháng 03 năm 2007.

Trong thời gian chung sống bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn gia đình do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không phụ giúp gì cho bà L về kinh tế gia đình cũng như nuôi dạy con cái và vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Nhận thấy vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, không còn tình cảm nên bà Nguyễn Thị Ánh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên

Nguyễn Thị Thùy O, sinh ngày 08/11/1989 và Nguyễn Văn R, sinh ngày 04/4/2004, hai con chung đã thành niên. Vợ chồng không có tài sản chung, về nợ chung bà Nguyễn Thị Ánh L tự khai không có.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T vắng mặt; Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh L có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Hai con đã thành niên. Về tài sản chung; về nợ chung: bà L tự khai không có nên không giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 080/2007 ngày 29 tháng 03 năm 2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà L trình bày: Vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn gia đình do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không phụ giúp gì cho bà L về kinh tế gia đình cũng như nuôi dạy con cái và vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, nguyên nhân do không cùng chung quan điểm sống, luôn bất đồng ý kiến, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, hai bên cũng đã tự hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Sau thời gian dài ly thân, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Văn T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Xét thấy: Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông Nguyễn Văn T không đến tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2023, bà L trình bày bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy O, sinh ngày 08/11/1989 và Nguyễn Văn R, sinh ngày 04/4/2004. Hai con chung đã thành niên vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Ánh L tự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí, Luật thi hành án dân sự

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh L

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 080/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 12 , Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 03 năm 2007 không còn hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy O, sinh ngày 08/11/1989 và Nguyễn Văn R, sinh ngày 04/4/2004 đã trưởng thành

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Ánh L tự khai không có.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Ánh L tự khai không có.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ánh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0038396 ngày 10/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà Nguyễn Thị Ánh L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường 12, Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Bảy